

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**
Án số: 97/2018/HSST
Ngày 02/7/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh .

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Toàn và Chu Thị Hồng Nhật

Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2018/HSST ngày 17 tháng 5 năm 2018, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn Q**, Sinh ngày 18/4/1966 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 26, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn H và Hà Thị Q; có vợ Bùi Thị H và 01 con là Phạm Văn Q. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Phạm Đình T**, Sinh ngày 27/02/1968(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình

Trình độ học vấn 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Đình T và bà Phạm Thị O; có vợ là Vũ Thị D; có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Từ tháng 3/1987 đến tháng 5/1990 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Cục kỹ thuật quân khu 3.

Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, Sinh ngày 01/01/1967(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Văn H và bà Hà Thị D; có vợ: Phạm Thị H; có 2 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 32 ngày 24/8/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 6 năm tù về tội Hiếp dâm, thời hạn tù tính từ ngày 26/2/1989, địa phương xác nhận Sơn đã thi hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong án phí hình sự; Bản án số 109 ngày 23/7/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 5 năm tù về tội “Vi phạm các quy định về an toàn giao thông vận tải” thời hạn tù tính từ ngày 14/4/1997, địa phương xác nhận Sơn đã thi hành xong hình phạt tù; được miễn án phí hình sự và án phí dân sự ngày 25/9/2008, đã thi hành phần bồi thường dân sự năm 2002. Bản án số 105/2014/HSST ngày 16/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 7 tháng tù về tội đánh bạc, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2014, đã chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí hình sự.

Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 13/3/2018 chuyển tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình.

4. Họ và tên: **Phạm Văn H**, Sinh ngày 18/8/1962(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 26, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông : Phạm Văn H và bà Hà Thị Q; có vợ: Trương Thị H; có 2 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Nguyễn Xuân M**, sinh ngày 02/10/1965(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 26, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Ngọc K và bà : Nguyễn Thị M; có vợ: Vũ Thị T; có 2 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân : Từ tháng 3/1985 đến tháng 6/1988 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Bộ chỉ huy quân sự Thái Bình. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: **Phạm Văn K**, Sinh ngày 01/7/1976(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn K và bà: Đỗ Thị K; có vợ: Bùi Thị Đ; có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân : Ngày 9/7/1995 bị Công an huyện Đông Hưng xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản của công dân.

Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: **Hà Văn M**, Sinh ngày 15/6/1976(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông : Hà Văn N và bà: Hà Thị C; có vợ: Phạm Thị T; có 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam, Bí

thư Chi bộ số 18 phường H, thành phố B đã bị đình chỉ sinh hoạt Quyết định số 33/QĐ/UBKTTU ngày 23/5/2018 của Ủy ban Kiểm tra thành ủy Thái Bình.

Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: **Phạm Văn H1**, Sinh ngày 04/5/1977(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19, phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông : Phạm Văn Le và bà: Phạm Thị Thơm; có 2 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

9. Họ và tên: **Phạm Văn D**, Sinh ngày 01/9/1974(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 18, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 8/10. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn C và bà: Phạm Thị H; có vợ: Nguyễn Thị H; có 2 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú.

10. Họ và tên : **Phạm Văn N** - Sinh ngày 26/9/1973(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 3/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn N và bà: Phạm Thị C; có vợ: Hà Thị L; có 2 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

11. Họ và tên: **Hoàng Văn C**, Sinh ngày 10/5/1963. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.

Trình độ học vấn 7/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Hoàng Văn N và bà: Trần Thị D; có vợ: Phạm Thị T; có 4 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Từ tháng 4/1981 đến tháng 10/1984 tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân tại sư đoàn 367, trung đoàn 528 sân bay Tân Sơn Nhất thành phố Hồ Chí Minh. Bị can bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

12. Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, Sinh ngày 20/10/1971(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn L và bà Trương Thị D. Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

13. Họ và tên: **Phạm Văn D1**, Sinh ngày 07/10/1979(có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 27, phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

Trình độ học vấn 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Phạm Văn G con bà: Trần Thị T; có vợ: Hà Thị L; có 3 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Quyết định số 298 ngày 16/7/2013 của Công an thành phố Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đã nộp tiền ngày 24/9/2013. Bị tạm giữ từ ngày 07/3/2018 đến ngày 12/3/2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 07/3/2018 Phạm Văn Q, Phạm Văn Kh, Phạm Văn H1 sinh năm 1977, Nguyễn Văn S, Phạm Văn D, Phạm Văn Đ, Hà Văn M, Phạm Đình T, Nguyễn Xuân M, Phạm Văn D1, Phạm Văn N, Phạm Văn H sinh năm 1962 và Hoàng Văn C ngồi chơi uống nước tại nhà Phạm Văn Q ở tổ 26, phường H, thành phố B thì cùng nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi xóc đĩa. Tất cả rủ nhau cùng chơi và đi xuống gian bếp nhà Q chơi, Tâm lấy kéo có sẵn ở bếp cắt 4 quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc lá vinataba, mỗi quân vị có 2 mặt trắng và vàng, sau đó T lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ tại bếp nhà Q, tất cả ngồi chơi và thống nhất cách chơi: T là người cầm cái, cho 4 quân vị vào trong lòng đĩa sau đó úp bát lên dùng hai tay giữ bát và xóc nhiều lần để quân vị di chuyển trong lòng bát đĩa rồi đặt bát đĩa xuống chiếu, người chơi sẽ đặt cửa chắn, lẻ. Sau khi người chơi đặt cửa xong thì người cầm cái sẽ mở bát ra khỏi đĩa để kiểm tra số lượng quân vị trên đĩa cùng màu là số chắn (2 hoặc 4) tức là ván đó về cửa chắn, còn số lượng quân vị cùng màu là số lẻ (1 hoặc 3) tức là ván đó về cửa lẻ. Nếu về đúng cửa mà người chơi đã đặt tiền thì người cầm cái phải trả cho người chơi bằng số tiền mà người chơi đã đặt cửa, ngược lại nếu không về cửa mà người chơi đã đặt thì người cầm cái được số tiền người chơi đã đặt cửa. Mức cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 40.000 đồng. Sau khi thống nhất xong cách chơi T cầm cái cho mọi người bắt đầu chơi từ khoảng 12 giờ 10 phút đến 13 giờ 45 phút cùng ngày bị tổ công tác Công an thành phố Thái Bình bắt quả tang.

Tang vật thu giữ: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 4 quân vị hình tròn, số tiền 14.280.000 đồng (trong đó thu trên chiếu 7.200.000 đồng, thu trong ví các đối tượng 7.080.000 đồng), 01 chiếu cói, 01chiếc kéo và 16 điện thoại di động các loại.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội, số tiền dùng vào việc đánh bạc của mình cụ thể như sau:

- Phạm Văn Q là chủ nhà, có số tiền 1.020.000 đồng để trước ra chiếu chơi 520.000 đồng đánh bạc không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết số tiền trên. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại Iphone 4s màu trắng (đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Đình T là người cầm cái, chuẩn bị công cụ, có số tiền 1.200.000 đồng dùng đánh bạc, để hết trên chiếu đánh bạc, chơi nhiều ván không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Goly màu vàng (đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn H (sinh năm 1962) có số tiền 2.970.000 đồng để đánh bạc, lấy trước ra chiếu chơi 400.000 đồng đánh bạc không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết số

tiền trên. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng, 01 điện thoại Nokia màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

- Nguyễn Văn S có số tiền 2.130.000 đồng dùng để đánh bạc, lấy ra để trên chiếu chơi 570.000 đồng đánh bạc không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Iphone 4s màu đen, 01 điện thoại Nokia màu đen.

- Nguyễn Xuân M có số tiền 2.100.000 đồng để đánh bạc, lấy ra để trên chiếu chơi 600.000 đồng còn trong ví 1.500.000 đồng, qua các ván chơi không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Nokia màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn K có số tiền 1.050.000 đồng dùng đánh bạc, lấy ra để trên chiếu tại chỗ ngồi 500.000 đồng đánh bạc không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu đen, 01 điện thoại Sam sung màu vàng(đã nhận lại đầy đủ).

- Hà Văn M có số tiền 860.000 đồng để trước ra chiếu chơi 460.000 đồng còn trong ví 400.000 đồng nếu thua thì lấy ra chơi tiếp, qua các ván chơi không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại Sam sung màu vàng, 01 điện thoại Nokia màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn H1 sinh năm 1977 có số tiền 550.000 đồng để hết ra chiếu chơi, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng(đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn D mang theo 540.000 đồng để hết trên chiếu đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Iphone 5s màu vàng, 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng(đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn N mang theo 500.000 đồng để hết trên chiếu đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Nokia màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

- Hoàng Văn C mang theo 480.000 đồng để hết trên chiếu đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Nokia màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

- Phạm Văn Đ mang theo 450.000 đồng để hết trên chiếu đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết.

- Phạm Văn D1 mang theo 430.000 đồng để hết trên chiếu đánh bạc, không rõ thắng thua, khi bị bắt Công an thu giữ hết. Ngoài ra Công an còn thu giữ 01 điện thoại Sam sung màu đen(đã nhận lại đầy đủ).

Trong quá trình đánh bạc không thu tiền hồ, không có người canh coi, không có người cho vay, cầm cố tài sản.

Tại cáo trạng số 89/CT-VKSTP ngày 16/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Văn S, Nguyễn Xuân M, Phạm Văn K, Hà Văn M,

Phạm Văn H1 (sinh năm 1977), Phạm Văn D, Phạm Văn N, Hoàng Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Văn S, Nguyễn Xuân M, Phạm Văn K, Hà Văn M, Phạm Văn H1 (sinh năm 1977), Phạm Văn D1, Phạm Văn N, Hoàng Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D phạm tội "Đánh bạc";

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58, 65, 50, K3 Điều 35 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Đình T, Phạm Văn Q mức hình phạt mỗi bị cáo từ 9-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18- 24 tháng. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 5-7 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, 17, 58, 38, 50, K3Đ35 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 6-9 tháng tù giam, thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giữ. Phạt bổ sung bị cáo 5-7 triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51, 17, 58, 36, 50 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn D 9-12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời hạn tạm giữ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58, 35, 50 BLHS xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Xuân M, Phạm Văn H sinh năm 1962 mỗi bị cáo 20-25 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 58, 35, 50 BLHS xử phạt tiền bị cáo Phạm Văn K từ 15-20 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, 17, 58, 35, 50 BLHS xử phạt tiền bị cáo Hà Văn M từ 15-20 triệu đồng.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51, 17, 58, 35, 50 BLHS xử phạt tiền các bị cáo Phạm Văn H1 sinh năm 1977, Phạm Văn D1, Phạm Văn N, Phạm Văn Đ, Hoàng Văn C (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Cương) mỗi bị cáo từ 12-15 triệu đồng.

Giao các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục.

- *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sù, 01 bát sù, 01 kéo, 04 quân vị, 01 chiếu cói là công cụ phương tiện phạm tội.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 14.280.000 đồng.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Văn S 01 ví da, 02 điện thoại nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Các bị cáo đều không có ý kiến gì về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đúng quy định pháp luật.

[2.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận: Khoảng từ 12 giờ 10 phút ngày 07/3/2018, tại gian bếp nhà Phạm Văn Q thuộc tổ 26, phường H, thành phố B, Phạm Đình T đã cầm cái đánh xóc đĩa ăn tiền (được thua bằng tiền mức thấp nhất là 10.000 đồng và mức cao nhất là 40.000 đồng) cùng với Phạm Văn Q, Phạm Văn K, Phạm Văn H1 (sinh năm 1977), Phạm Văn D, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D1, Phạm Văn N, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Văn S, Hà Văn M, Nguyễn Xuân M và Hoàng Văn C đến 13 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an thành phố Thái Bình phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ gồm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ màu trắng, 4 quân vị hình tròn 2 mặt trắng, vàng và 14.280.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn thu giữ 01 chiếu cói, 01 chiếc kéo và 16 điện thoại di động các loại. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người chứng kiến là các anh Tăng Đình C, Phạm Văn Q và biên bản bắt người phạm tội quả tang và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, sự việc và đồ vật. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Văn S, Nguyễn Xuân M, Phạm Văn K, Hà Văn M, Phạm Văn H1 (sinh năm 1977), Phạm Văn D, Phạm Văn N, Hoàng Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D1 là những người đã thực hiện hành vi đánh xóc đĩa được thua bằng tiền với tổng số tiền là 14.280.000 đồng. Như vậy các bị cáo đã phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2.2] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Điều 321 - Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an xã hội, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm răn đe giáo dục chung.

[4] Trong vụ án này các bị cáo đánh bạc xuất phát từ việc tập trung ăn uống gặp mặt trong dòng họ, các bị cáo đều là người trong dòng họ nên không có sự tổ chức, chủ mưu, cầm đầu các bị cáo là những đồng phạm giản đơn cùng nhau đánh bạc ăn tiền. Bị cáo Tâm là người chuẩn bị dụng cụ và cầm cái nên có vai trò thứ nhất, bị cáo Quỳnh là người chứa chấp việc đánh bạc nhưng không thu tiền hồ bị cáo không phạm tội gá bạc bị cáo có vai trò thứ hai, tiếp đến là các bị cáo khác là những đồng phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Xuân M, Phạm Văn K, Hà Văn M, Phạm Văn H1 (sinh năm 1977), Phạm Văn D, Phạm Văn N, Hoàng Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D1 đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 điều 51 bộ luật hình sự. Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962) có bố mẹ là những người có công được tặng thưởng huân huy chương, các bị cáo Phạm Đình T, Nguyễn Xuân M, Hoàng Văn C đều đã tham gia quân đội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6.1] Đối với bị cáo Nguyễn Văn S đã dùng số tiền 2.130.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo là người đã bị nhiều lần kết án và phải chịu hình phạt tù nhưng không chịu cải tà quy chính tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và nhằm răn đe giáo dục chung. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 bộ luật hình sự.

[6.2] Đối với bị cáo Phạm Đình T bị cáo dùng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc tuy người cầm cái chuẩn bị công cụ phạm tội song do hành vi phạm tội của các bị cáo tự phát không có tổ chức không có người cầm đầu chủ mưu nên bị cáo không phải là người chủ mưu, cầm đầu. Lẽ ra cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và răn đe đối với các đối tượng khác nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt đã từng tham gia quân đội, có bố mẹ đều được tặng thưởng huân huy chương và có hai tình tiết giảm nhẹ khoản 1 và hai tình tiết tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có địa chỉ rõ ràng có khả năng tự cải tạo bản thân và không gây nguy hiểm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là phù hợp

[6.3] Đối với bị cáo Phạm Văn Q bị cáo dùng số tiền 1.020.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo Q là người chứa chấp các bị cáo đánh bạc tại nhà mình nhưng không có mục đích thu lợi bất chính vì cả nể với những người cùng chung dòng họ. Bị cáo Q có bố, mẹ đều được tặng thưởng nhiều huân huy chương và bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có địa chỉ rõ ràng có khả năng tự cải tạo bản thân và không gây nguy hiểm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội vì vậy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục để các bị cáo có điều kiện cải tà quy chính.

[6.4] Đối với Phạm Văn D dùng số tiền 430.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo đã một lần bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không khấu trừ thu nhập và không phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6.5] Đối với các bị cáo Phạm Văn H (sinh năm 1962), dùng số tiền 2.970.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Xuân M dùng số tiền 2.100.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn K dùng số tiền 1.050.000 đồng để đánh bạc. Hà Văn M dùng số tiền 860.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn H sinh năm 1977 dùng số tiền 550.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn D dùng số tiền 540.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn N dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc. Hoàng Văn C dùng số tiền 480.000 đồng để đánh bạc. Phạm Văn Đ dùng số tiền 450.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo đều có 2 tình tiết giảm nhẹ khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt có địa chỉ rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân và không gây nguy hiểm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội đều có mục đích đánh bạc vì tiền nên chỉ cần phạt tiền là hình phạt chính để răn đe các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ của bị cáo dùng vào việc đánh bạc gồm : 01 bát sứ , 01 đĩa sứ , 04 quân vị , 01 kéo, 01 chiếu cói.

- 01 ví da và 02 điện thoại thu của bị cáo Sơn không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước toàn bộ số tiền thu giữ của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

Những đồ vật không liên quan đến việc phạm tội cơ quan điều tra đã quyết định xử lý không đặt ra giải quyết.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Đình T, Phạm Văn H (sinh năm 1962), Nguyễn Văn S, Nguyễn Xuân M, Phạm Văn K, Hà Văn M, Phạm Văn H1 (sinh

năm 1977), Phạm Văn D, Phạm Văn N, Hoàng Văn C, Phạm Văn Đ, Phạm Văn D1 phạm tội "Đánh bạc";

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, 3 điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 17; khoản 3 điều 35; điều 65; điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt : Bị cáo Phạm Văn Q 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án 02/7/2018. Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo 5 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án 02/7/2018. Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Phạt bổ sung đối với bị cáo 5 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điều 50; điều 38; khoản 3 điều 35; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 07/3/2018. Phạt bổ sung đối với bị cáo 6 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 50; điều 36; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D1 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ 6 ngày tạm giữ x 3 = 18 ngày còn 8 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ) Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố B, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục. Miễn khấu trừ thu nhập, không phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 50; điều 35; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H (sinh năm 1962), số tiền 25 triệu đồng

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân M số tiền 22 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K số tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điều 50; điều 54; điều 35; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C, số tiền 15 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 50; điều 35; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Văn M số tiền 20 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; điều 50; điều 54; điều 35; điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H1 (sinh năm 1977) số tiền 15 triệu đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D số tiền 15 triệu đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N số tiền 15 triệu đồng

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 12 triệu đồng

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ toàn bộ số tiền dùng đánh bạc của các bị cáo 14.280.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng thu giữ gồm: 01 bát sứ , 01 đĩa sứ , 04 quân vị , 01chiếc kéo, 01 chiếc còi.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S 01 ví da và 02 chiếc điện thoại.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 02/7/2018.

Nơi nhận:

- Theo khoản 1 điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh